



Cuộc Chiến

Và MẸ

MX Lâm Tài Thạnh

*Buồn lắm Mẹ ơi đêm
trường viễn xứ*

*Con nhớ nhung hoài
tiếng Mẹ hiền ru*

*Thương Mẹ lắm giờ
đây xa cách mãi*

*Chuyện tao phùng biển
biệt cõi thiên thu.*

Cha tôi vốn là một công chức của Ty Công Chánh Tỉnh Ba Xuyên (Khánh Hưng – Sóc Trăng) đã từ giã cõi đời rất sớm sau một cơn bạo bệnh, để lại người vợ trẻ với 05 con thơ nhỏ dại, kờ khạo, lúc bấy giờ anh tôi lớn nhất chỉ mới 9 tuổi. Mẹ tôi với Công, Dung, Ngôn, Hạnh được hướng dẫn dạy dỗ từ Bà Ngoại vốn là một gia đình có chút tăm tiếng ở chợ Rạch-Giá. Mẹ tôi đã gượng dậy sau mất mát to lớn bằng tự sức mình với sự hỗ trợ, tiếp tay phụ giúp của các cô tôi. Mẹ tôi đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại trong cuộc sống của một góa phụ trẻ để hòa mình vào công việc của một bậc thầy chuyên hướng dẫn dạy dỗ môn Nữ Công Gia Chánh cho các nữ sinh của hầu hết các trường trung học tại tỉnh lỵ, đồng thời Mẹ tôi cũng là



người luôn được sự ưu ái, tiếp đón nồng nhiệt của các phu nhân tỉnh trưởng khi cần thiết vài buổi tiệc khoản đãi quan khách từ Trung Ương đến thanh tra hay mở các phòng triển lãm liên quan đến sự phát triển của Tỉnh nhà hoặc tổ chức hoạt cảnh, thi đua nấu ăn nhân Ngày Lễ Hai Bà Trưng v.v

Anh em chúng tôi được nuôi sống, dạy dỗ, trưởng thành trong sự hy sinh, cần cù, chắt chiu, chịu đựng với tuổi xuân thì của Mẹ, hiểu một cách khác anh em chúng tôi chưa bao giờ cảm nhận được câu tục ngữ: “Con không cha như nhà không có nóc”.

*Góa phụ trẻ, Mẹ tôi ba mươi bốn
Khóc thương ngày vĩnh biệt đáng lang quân
Khăn tang trắng đầu đau tình xót
Hạt lệ sầu gượng tiếp bước nuôi con
Trên bục giảng phấn buồn không nét
Mực nghiêng tràn khếp tuổi nửa chừng xuân
Lời phụ mẫu Mẹ ghi lòng nhớ
Được soi đường dung hạnh quyết không quên*

Thủy Quân Lục Chiến

*Câu từ đức, tam tông dạ tạc
Tháng năm dài hết Hạ đến Xuân sang
Thân cò là kiếp tầm Mẹ nhà
Nguyễn Đất Trời dạy trẻ sớm thành nhân*

Sau cuộc Cách Mạng 1/11/1963, trong khí thế chung của một đời mang nhiều di hận về sau cho toàn dân tộc Việt Nam Cộng Hòa. Buổi cơm chiều đã mất hẳn đi sự vui tươi như thường lệ, với trang báo được xếp góc cẩn thận, để thấy rõ một thông báo của Bộ Quốc Phòng với nội dung kêu gọi thanh niên tình nguyện ghi danh vào lớp Sĩ Quan Trừ Bị Khóa 17 tại Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, tôi thưa với Mẹ:

- Con tính ghi danh tình nguyện đi Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức.

Mẹ tôi vội buông đũa:

- Không được, muốn đi lính thì phải hỏi ý kiến Anh Hai con.

Mẹ tôi quan niệm: “Quyền Huynh Thê Phụ”. Lúc bấy giờ Anh Hai tôi đã tốt nghiệp Trường Canh Nông Thực Hành đi làm công chức với ngạch trật là Huân Sự Kiểm Lâm tại Hạt Hà Tiên, độc thân nên thường hay gởi tiền về phụ Mẹ tôi. Câu chuyện đi lính thế là tạm thời không bàn đến để chờ ý kiến Anh Hai tôi. Hôm sau Mẹ tôi cấp tốc gởi điện tín đi và Anh Hai tôi trả lời:

- Không..., học lấy Tú Tài 2 xong rồi mới đi, Thủ Đức hay Đà Lạt cũng được

Tôi hiểu ý Anh Hai tôi muốn học thêm và ít ra cũng còn được gần Mẹ một thời gian nữa, nhưng chí đã quyết, lòng đã chọn tôi cố gắng thuyết phục Mẹ tôi:

- Sĩ Quan Đà Lạt thì phải ở trong quân đội suốt đời còn Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức chỉ phục vụ có 4 năm sau đó sẽ được cho giải ngũ về đi học lại hoặc chọn ngành nghề khác có tương lai hơn.

Ngày 20/12/1963, Mẹ tôi ký giấy cho tôi tình nguyện gia nhập Khóa 17 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Năm ấy tôi vừa tròn 18 tuổi vào Quân Trường không chút vướng bận, băng khuâng

lại còn mang tâm trạng nhẹ nhàng, thư thái vì từ nay không còn cảnh hồi hộp lo sợ những khi vào lớp học bài vở biết ta mà ta lại không biết nó, đứng ngẩn mắt trước tấm bảng đen sau lưng là các bạn học gái thì quả tình chẳng đẹp mặt và xấu hổ biết bao. Chưa bao giờ tôi đặt cho mình một câu hỏi sẽ có những gì chờ đợi ở phía trước nơi đầu sóng ngọn gió với những cảnh tử biệt, sinh ly mất mát. Chưa một lần thắc mắc hoài nghi, bất mãn khi nhìn quanh cảm nhận được vẫn còn nhiều tuổi trẻ chưa nhập cuộc. Trong khi đó tôi nào có biết Mẹ tôi đã lặng lẽ mang hoa quả, nhang đèn đến các Chùa trong tỉnh cúng bái, cầu nguyện xin ơn trên che chở cho tôi được an bình trong cuộc chiến đầy gian khổ hiểm nguy nơi chiến trường.

*Lần tay chuôi hạt nguyện kinh cầu
Quan Âm, Phật Tổ luôn che chở
Mũi đạn hòn tên vượt thoát nguy
Đêm nay tóc trắng càng thêm trắng
Mẹ tiễn con đi luống chạnh lòng
Quan hà chia cách thương con trẻ
Đếm bước đường xa tác dạ đau
Mai này ai thức khi con trở
Tiếng giận lời yêu hóa gió bay
Quê hương Đất nước con tìm bến
Mẹ nhủ lòng tin có Thánh, Tiên.*

Tám tháng nơi Quân Trường, mưa nắng của đời Tăng Nhân Phú đã biến tôi từ một thư sinh thành một thanh niên chững chạc, dày dặn, tự tin hơn với chính mình.

Là một cư dân của một tỉnh lỵ nhỏ vùng đồng bằng sông Cửu Long và ở cách xa Sài Gòn hơn 200 cây số, việc đi lại thăm viếng vào lúc bấy giờ rất vất vả, mất rất nhiều thời gian vì thế suốt trong giai đoạn 1 khi chưa được đi phép cuối tuần và chưa có diễm phúc, hạnh ngộ quen biết với các em gái hậu phương, tôi không kỳ vọng có được bất kỳ sự thăm viếng nào như các bạn cùng một Trung Đội nên thường lãnh phần trực báo tin cho bạn đồng

khóa khi họ có thân nhân đến. Một buổi chiều Thứ Bảy đang ngồi nhâm nhi ly nước ngọt trong câu lạc bộ sau nhiều giờ tới lui báo tin thăm viếng, tôi bỗng giật thót người khi nghe trên loa phóng thanh nhắn tin tôi ra gấp khu thăm viếng để gặp thân nhân. Thì ra cũng lại là Mẹ tôi.

*Đường xa chân mỗi bước đường xa
Lộng gió chiều buông bóng Mẹ hiền
Thương con đâu quản vài trăm số
Xá chút gì sông nước cũng qua
Run run tay chuyển quà nhung nhớ
Mẫu Tử thâm tình nặng thiết tha
Thành đô hoa lệ con ghi nhớ
Sớm đạt công thành mộng ước mơ
Mai đây vai nặng tình Non Nước
Cát chút tình riêng Mẹ xót xa.*

Trong bóng chiều của buổi hoàng hôn, hình ảnh nhỏ bé Mẹ tôi khuất sau cổng Quân Trường bệ thế, hiên ngang với hàng chữ “Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức”. Năm ấy Mẹ tôi đã ở tuổi trung niên và hình như có một điều gì tôi còn thiếu sót..., đúng rồi, chưa bao giờ tôi nói thành lời: “**Con thương Mẹ**” kể từ khi tôi trưởng thành.

*Chiều hôm rắng đỏ mây đùn thấp
Tăng Phú cao đôi bụi cát bay
Khúc nhạc quân hành chân rộn bước
Bốn Một Không Không mộng chí trai (KBC 4100)
Đưa tiền chi lời chưa kịp nói
Dáng nhỏ thân gầy bóng Mẹ trôi
Có ai thả bến con thuyền giấy
Chờ giúp dùm ta tiếng luyến thương
Một nửa ghi tình ơn Sông Núi
Nửa mảnh hồn kia gửi Mẫu thân*

Từ những bước đi dọ dẫm ngập ngừng đầy ái ngại của buổi ban đầu xen lẫn mặc cảm sĩ quan trẻ mới ra trường, mặt còn búng ra sữa đối với thuộc cấp những người lính đã thường vào sanh ra tử, chạm mặt với tử thần như cơm bữa hằng ngày của một đơn vị Tổng Trừ Bị với

nhiều chiến công hiển hách, oai hùng mà tôi đã có lần mơ ước được phục vụ ngay khi còn là học sinh trung học, nhưng rồi chẳng bao lâu sau tôi thực sự hòa mình vào cuộc sống mới ở đơn vị tác chiến.

Nhờ vào sự hướng dẫn của các bậc đàn anh đi trước cộng thêm tánh ham học hỏi tìm tòi những điều mà chắc chắn rằng không thể nào tìm thấy được trong các bài học ở Quân Trường. Các đàn anh bình dân cởi mở những khi cần thiết, bao dung độ lượng hợp lý hợp tình, oai nghiêm dũng khí đúng nơi đúng chốn, tiên liệu phán đoán nhạy bén trên chiến trường, công bằng trong thưởng phạt phân minh, Tất cả đây là kim chỉ nam dẫn lối soi đường trong bước đường binh nghiệp giữa lúc chiến trường ngày càng thêm khốc liệt với máu đổ thịt rơi, mất mát chia xa, kẻ còn người mất.

Thỉnh thoảng đón nhận thư từ do hậu cứ chuyển đến, Mẹ tôi cũng như bao nhiêu bà Mẹ Việt Nam khác khi có con đang xông pha trong hiểm nguy lửa đạn, lời thư dặn dò bao giờ cũng là cầu nguyện để được che chở, bình an. Niềm tin tôn giáo sau cùng là cứu cánh duy nhất để các bà Mẹ tự an ủi, tự bình tâm trong những đêm dài trằn trọc mất ngủ đầy âu lo khi nghe tiếng súng từ xa vọng về.

*Thư Mẹ đến buồn chiều Thu xám nhạt
Chiến trận tàn lưu dấu cảnh tan hoang
Dăm chiến hữu vội đi không từ biệt
Poncho buồn phủ kín liệm đời tra
Bụi mù bốc chuyển tải thương lân cuối
Biết mai này ai đến bến bờ kia? Làn tay mở
quà xa nơi hậu tuyến*

*Chứa chan tình hiền mẫu thức canh đầu
Đây tượng quý Mẹ xin nơi linh hiển
Câu chú thần thuộc dạ chừ lãng quên
Thần linh đáng đêm đêm luôn cầu nguyện
Mọi vương trôn che chở kiếp chinh nhân.*

Tôi thực sự trưởng thành trong chiến cuộc cùng đơn vị hành quân trên khắp chiến trường

Thủy Quân Lục Chiến

của Bốn Vùng Chiến Thuật cả Kampuchia lẫn Hạ Lào. Có một điều đôi khi ngồi nghĩ lại thì quả tình chính tôi cũng không thể hiểu tại sao trong rất nhiều trường hợp giữa cảnh lửa đạn mịt mờ của hàng ngàn các loại đạn pháo kích của đại bác 130 ly, hỏa tiễn 122, 107 ly, súng không giật bắn thẳng 82 ly, súng phòng không 12. 8 ly, 37 ly, 57 ly hạ nòng bắn thẳng của địch tôi lại có thể thoát chết trong đường tơ kẻ tóc cũng như có thể trở về được an toàn, lành lặn không một thương tích sau hai lần thực sự lâm vào cảnh hung hiểm khôn lường: Hạ Lào và Đà Nẵng. Phải chăng đây là nhờ vào sự cầu nguyện vô cùng linh thiêng và thành tâm khẩn bái của Mẹ tôi. Người Mẹ với trái tim đầy thương yêu và bao dung.

Hòa bình đến trong cái Hiệp Định quái gở, trói buộc, bán đứng Miền Nam mà người bạn một thời là Đồng Minh đã ưu ái đặt tên thật là chính xác như những đồng tiền họ đã bỏ ra đúng với câu dân giả thường nói: **“bỏ của chạy lấy người”**.

Đó là: Việt Nam hóa chiến tranh (Có nghĩa trước đó, chúng tôi, những người Lính Việt Nam Cộng Hòa đã chưa từng chống Cộng Sản để bảo vệ quốc gia? Cuộc chiến đấu trước đó chỉ đơn độc của người Mỹ?) để rồi vội vã rút quân trong danh dự kiểu cao bồi Mỹ và muối mặt lạnh lùng vứt bỏ mọi cam kết mang tính chất Quốc Tế cũng như niềm tự hào thuở nào trong vai trò lãnh đạo Thế Giới Tự Do để ngăn chặn làn sóng đỏ.

Trong một bức thư Mẹ tôi viết gởi có nội dung: “Những gì Mẹ cầu nguyện trong suốt 9 năm (1964 – 1973) con xông pha nơi lửa đạn dẫn thân vào chốn tử sanh bây giờ đã có hòa bình không còn đánh nhau đây là lúc con phải thực hiện lời nói năm xưa với Mẹ và gia đình”. (Ý Mẹ tôi nhắc đến việc xin giải ngũ).

Mẹ tôi cũng như tất cả những người yêu chuộng tự do, muốn sống no ấm trong thanh

binh, không chiến tranh tàn phá, nhằm xây dựng một đất nước Việt Nam phú cường phồn thịnh đều đã **“lầm”**, tất cả chỉ là hư ảo trong cái hòa bình giả tạo, đầy nham hiểm, man trá của lũ người vô thần với chủ nghĩa ngoại lai tàn độc cho tham vọng xâm chiếm Miền Nam và làm bá chủ Đông Dương trong vai trò tay sai cho Nga Xô và Trung Quốc của Cộng Sản Bắc Việt.

Là một cấp chỉ huy tác chiến trung cấp đã trải qua một thời gian dài khổ đau, chết chóc, trực tiếp chiến đấu với bọn Cộng Sản xâm lược, thực sự đối diện với kẻ thù từng giờ, đặc biệt trong những ngày tháng sau khi Hiệp Định Ngưng Bắn có hiệu lực thi hành (27/01/1973) tôi đã thấy rõ mối nguy hại khôn cùng, ảnh hưởng nặng nề đến tinh thần toàn thể chiến binh nơi tuyến đầu. Đó là:

“Không ai muốn trở thành Anh Hùng vào giờ Thứ 25”.

Diễn-hình là trận đánh giải tỏa và trục xuất một Trung Đoàn Cộng Sản Bắc Việt vào trung tuần tháng 02 năm 1973 (chưa đầy 2 tháng sau khi ký Hiệp Định) tại vùng sông Vĩnh Định (Quảng Trị) khi địch lợi dụng đêm tối nương theo kẽ hở giữa hai đơn vị nơi chạm tuyến, cũng như thiếu cảnh giác, thiếu đề phòng, quân CS Bắc Việt đã lén lút chui qua và thọc sâu vào lãnh thổ trách nhiệm của Lữ Đoàn 258/TQLC, tạo thành một lõm da beo ngứa mắt, cần phải tiêu diệt.

Lúc đó tôi là TĐP/TĐ 7 Hùm Xám, tôi nhận lệnh chỉ huy Cánh B gồm 2 Đại Đội 4 và 1, đến khu vực hành quân, sau khi Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn được tin báo từ Địa Phương Quân Quảng Trị và dân chúng về sự xuất hiện bất ngờ của một số cán binh Bắc Việt. Cuộc hành quân có tính cách thăm dò và trinh sát không ngờ trở thành một cuộc chạm trán dữ dội sau khi phía Bắc Việt quyết định tử thủ, chúng dùng đủ loại hỏa lực cá nhân và cộng đồng chống trả, chặn đứng đơn vị tiền sát của ĐĐ4, gây một số thương vong cho Trung Đội thám

sát. Sau khi lên tuyến đầu trực tiếp quan sát , nắm vững tình hình , tôi quyết định cho ngưng tấn công chờ đêm tối và báo cáo xin tăng viện để có thể mở thêm một mũi đột phá vào cánh phải của địch quân. Cuộc đột kích đêm đầu tiên không mang lại kết quả và địch phản ứng lại mạnh mẽ với súng cối và không giật 82 ly.

Mờ sáng hôm sau lực lượng tăng viện gồm 02 Đại Đội còn lại của Tiểu Đoàn 7 và một Chi Đội M 113 trong đó có một phân đội được cải tiến, gắn thêm mỗi xe một khẩu đại bác không giật 106 ly. Nhằm tránh những khiêu nại từ phía Cộng Sản với Ban Quân Sự Liên Hợp Quốc Tế Bốn Bên đang trú đóng trong thành phố Quảng Trị từ khi có Hiệp Định Ngưng Bắn, lệnh cấp trên không cho sử dụng hỏa lực của phi cơ và pháo binh. Trong cương vị là chỉ huy trực tiếp cuộc hành quân **“giải tỏa và trục xuất”** ở vào thời điểm **“tế nhị và khó khăn của giờ Thứ 25”**, đồng thời để hoàn thành nhiệm vụ với mức thiệt hại tối thiểu cho thuộc cấp, một kế hoạch **“lôi hỏa tự biên, tự diễn”** được xúc tiến nhanh chóng, được trình báo, được chấp thuận theo hệ thống chỉ huy. Đầu tiên tôi tập trung toàn bộ hỏa lực cơ hữu của Tiểu Đoàn gồm 04 súng cối 81 ly và 08 súng cối 60 ly cùng tác xạ tiêu diệt mục tiêu trong khoảng thời gian nhứt định, kế tiếp sử dụng súng không giật 106 ly và đại liên 50 ly của thiết vận xa M 113, tạo sự kinh hoàng và hạn chế khả năng chống trả của địch quân. Nhờ Trời thương và do địa hình vị trí nơi quân Bắc Việt đang phòng thủ dọc theo con sông Vĩnh Định quá mỏng, không có chiều sâu và quân Bắc Việt không có thời gian để tổ chức đào công sự, hầm hồ kiên cố chịu được các loại hỏa lực tập trung như đã nói trên. Sau ba ngày giằng co với hò hét lẫn thuyết phục cuối cùng chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ sau khi tên Trung đoàn Trưởng Bắc Việt đích thân giương cờ trắng xin thương thuyết để TĐ7/TQLC mở một lối thoát cho đơn vị hấn.

“Dĩ hòa di quý”: Lệnh trên cho phép mở một lối nhỏ để địch trở về bên kia chạm tuyến. Tôi không bao giờ quên được giọng nói mang nặng âm hưởng của người miền Nghệ Tĩnh, dù rằng lúc đó hấn ta mặc quân phục và mang phù hiệu của Mặt Trận Giải Phóng Việt Cộng. Khi đi ngang qua mặt tôi theo đơn vị rút ra hấn nói:

“Thế nào cũng có ngày chúng ta gặp nhau Thiếu Tá hỉ?”

(Khi được dẫn vào gặp tôi để xin thương thuyết thì vị Đại Đội Trưởng trách nhiệm tuyến đầu đã vô tình tiết lộ cấp bậc của tôi) Tôi cười nhẹ và nói:

“Lần sau chắc không dễ dàng đi ra như thế này!”

Đâu đó vang lên những tiếng chửi thề, đây về bực bội của một số sĩ quan và binh sĩ đang làm nhiệm vụ canh phòng. Các vị Đại Đội Trưởng thuộc Tiểu Đoàn 7 TQLC vào thời điểm giờ thứ 26 là Đại Úy Hoàng Văn Hạp (cùng Khóa 17 Thủ Đức), Đại Úy Tăng Kim Phụng, Đại Úy Đoàn Lưu. Cái giá phải trả cho giờ thứ 26 không phải là ít. Biết sao?

Cũng từ đó tôi nhận thức được trong tương lai sẽ có nhiều khó khăn trở ngại, trần trở suy nghĩ cho các cấp chỉ huy các đơn vị nhỏ, trực tiếp đối diện với địch quân nơi tuyến đầu khi phải điều động binh sĩ chống trả lại những vi phạm cố tình giành dân, lấn đất của Cộng Sản Bắc Việt do cái hiệp định ngưng bắn kỳ quái, bán đứng Đồng Minh vì quyền lợi chiến lược chung toàn cầu của người Mỹ. Việc gì đến thì phải đến, chỉ có vấn đề là thời gian.

Trưa ngày 29/3/1975, tôi nhìn lên trời, cánh chim sắt cuối cùng vừa cất cánh rời khỏi phi trường Đà Nẵng, bay lượn một vòng để lấy cao độ hay để giả từ thành phố trái tim miền Trung thân yêu trong hỗn loạn, bi thảm, một thành phố đột nhiên bị bỏ ngỏ đến độ bàng hoàng ngỡ ngác. Tôi nhìn đoàn quân của tôi, TĐ.9/TQLC đang di chuyển đội hình hàng dọc, trật tự, sẵn

Thủy Quân Lục Chiến

sàng tác chiến không một chút nao núng, trên đường đi đến điểm hẹn để thực hiện công cuộc phòng thủ Đà Nẵng theo lệnh hành quân trực tiếp từ Niên Trưởng 216 vào lúc 1800 giờ chiều ngày 28/3/1975, thay thế cho lệnh cũ là tử thủ tại vị trí đóng quân chung quanh vùng đồi núi Sơn Trà chạy dài tiếp nối đến cao độ 1062 chế ngự thung lũng Thường Đức.

Một thoáng hãnh diện không nói nên lời đến với tôi nhưng đồng thời nhận rõ trách nhiệm nặng nề trước gần 700 sinh mạng thuộc cấp vào thời điểm “**tái phối trí**” không hợp lý này. Vai trò chỉ huy trung cấp như tôi trong hoàn cảnh khắc nghiệt, bó tay như thế này chắc hẳn không thể nào chuyển đổi được “**thế cuộc**”.

Công điện cuối cùng tôi gửi về cho hậu cứ vào xế chiều 29/3/75 trong lúc vòng vây của kẻ thù phương Bắc bắt đầu khép kín, nhằm xác định “**giờ sống còn**” của đơn vị và cũng là lời chào vĩnh biệt Miền Nam quê hương yêu dấu.

*Anh đứng đó súng ghìm trong quyết chiến
Dáng kiêu hùng uy dũng tựa Trường Sơn
Nếu phải chết đậm tô trang quân tử
Xin một lần sống mái Bắc phương quân
Giòng thác đổ địch quân trùng vây phủ
Bóng chiều dần, chiến hạm khuất bờ xa
Đường lui bước nẻo về ngăn lối thoát
Chiến trận tàn không báo tử hồi chuông
Tim sắt đá phát ban lệnh tử chiến
Máu xương người đầu thê hóa trò chơi
Không hàng giặc “tẩu vi là thượng sách”
Lệnh “tan hàng” “cố gắng” tìm về Nam
Hạng Võ đó nhục “trôn lòn” dựng nước
Ai mang thắng bại mà luận anh hùng? .*

Giữa khuya đêm 29/3/75 toàn bộ chúng tôi đều bị bắt và trở thành tù binh! Phép lạ nào đưa đẩy tôi đi đến quyết định nhanh chóng phải vượt thoát khỏi trại giam giữ tù binh ở Hòa Cầm, trốn lẫn vào dân và ra khỏi thành phố Đà Nẵng chỉ trước một ngày khi bọn quân quản địa phương bắt đầu siết chặt, kiểm soát

sự ra vào bằng rất nhiều chốt chặn gồm cả quân chính quy Bắc Việt, du kích và cả bọn nằm vùng.

Đường dong ruổi thật dài, thật gian nan vất vả và trắc trở nhưng đồng thời cũng để lại trong tôi nhiều cảm xúc nghẹn ngào, cảm động không thể nào quên, từ những đồng tiền trao vội vã, bọc gạo sây chia đôi, chai nước mát lạnh đầy tình thầy trò từ những thuộc cấp cũ của Trâu Điền và Mãnh Hồ dành cho tôi vào lúc hỗn quân, hỗn quan bấy giờ thật là một an ủi vô cùng đã giúp tôi thêm quyết tâm tìm về phương Nam.

Làm sao quên được sự giúp đỡ tận tình của một mẹ già không quen biết trong căn nhà lá ven Quốc Lộ 1 vùng Tam Quan, Qui Nhơn, vào buổi chiều ngày thứ 9 của cuộc vượt thoát. Tôi đột nhiên bị nóng sốt do cảm nắng, cố gắng ghé vào xin ly nước thì ngã quy, vị ân nhân này chẳng những cho tá túc, cho thuốc uống, mà còn cho một bữa ăn sáng hôm sau với những con cá lòng tong xen lẫn những con tép mòng, được kho chung với dừa khô thái nhỏ và sau cùng là một gói cơm vắt lớn với bình đựng nước để tôi tiếp tục lên đường.

Ngày thứ 11 tại Phường Sài thành phố Nha Trang, tôi được một buổi cơm nóng và tắm rửa sạch sẽ nhờ vào lòng tốt bụng, thương người của một bà Mẹ có con cũng phục vụ trong Quân lực VNCH.

Tại Phan Rang, thêm một phép lạ đến với tôi khi đang lang thang trước Tòa Hành Chánh Tỉnh vừa mới thất thủ đêm trước, bỗng có tiếng gọi tôi với cấp bậc cũ ở phía sau lưng, do cảnh giác đề phòng, tôi giả bộ không nghe và vội vã rảo bước đi nhanh, nhưng tôi nghe có tiếng chân đuổi theo và câu nói: “**Tụi em đây mà Thiếu Tá**”. Xoay người lại thì tôi nhận ra đó là hai binh sĩ ở Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn làm việc cho Ban 3 và Ban 2, tôi thờ phào nhẹ nhõm. Sau những lời thăm hỏi chân tình, khi biết

được tôi có ý định tìm về Sài Gòn thì Hội, một trong hai người, đã nhanh chóng quyết định đưa tôi về nhà không một chút e-dè, sợ-sệt. Toàn thể gia đình Hội đã tiếp đãi tôi thực chu đáo và hứa trong vài ngày tới sẽ tìm phương tiện cho tôi về Sài Gòn.

May mắn cho tôi lúc bấy giờ Phan Rang vừa mới mất và quân Bắc Việt đang cố gắng dồn mọi nỗ lực di chuyển bộ đội, quân trang, vũ khí của chúng thực nhanh trên Quốc Lộ 1 và hệ thống quản lý địa phương chưa được chặt chẽ nên mọi việc gia đình Hội lo cho tôi tìm đường về Sài Gòn không gặp nhiều trở ngại.

Ngày thứ 14 trên đường đào thoát tôi được Ba của Hội đưa đến bến sông có tên Tân Thành (một điền báo hiệu nhiều may mắn và thành công), lẫn lộn vào dân chúng, cùng nhau giả bộ hồi cư về lại Qui Nhơn. Sau khi thuyền ra đến cửa biển thì đổi hướng trực chỉ về phương Nam. Bộ đội Bắc Việt tuổi 16, 17 đóng chốt có bắn theo nhưng vô hại.

*Can qua chưa khỏi sao tàn sớm
Tráng sĩ chưa mài gươm nhũn tan
Khi xưa sông Dịch, Kinh Kha bước
Nay mất Đà Thành khóc, hận, đau
Đường xa dong ruổi tìm thoát neo
Lệ tủi buồn vương, vấn tội ai?
Hoang vắng đêm về không chẵn chiếu
Trở giấc nghe hồn chấp cánh bay
“Con nhớ đừng quên lời cầu nguyện
Vạn ngã vương tròn phận, chí trai”.
Linh thiêng đây phút giây tìm đến
Giữ chút niềm tin bước lạc loài..*

Ngày thứ 15, tôi về đến Bãi Dâu, Vũng Tàu mà cứ ngỡ như vừa qua một giấc chiêm bao, không tin đó là sự thật, cho đến khi mặc lại bộ quân phục, trình diện Tư Lệnh Sư Đoàn, trình bày những điều mắt thấy tai nghe trên chặng đường vượt thoát và nhận lệnh nhanh chóng thành lập lại đơn vị, Tiểu Đoàn 9 TQLC, sau 3 ngày phép. Lúc này mới thực sự biết rằng

“**minh trở về từ cõi chết**”.

Ngày thứ 16, ngồi trên xe do sĩ quan chỉ huy hậu cứ mang ra Vũng Tàu đón tôi thoát hiểm trở về.. Một tình cờ và hãn hữu lại đến với tôi:

Tôi gặp Mẹ tôi đứng ngay bên đường tại Ngã Ba Vũng Tàu...

Bà cùng anh tôi chờ đón xe đê ra Bộ Tư Lệnh Hành Quân tại Vũng Tàu hỏi thăm thêm về tin tức của tôi. Đây là lần thứ hai Mẹ tôi xin nghỉ dạy học, đi từ Tỉnh Ba Xuyên để lên Sài Gòn rồi ra Vũng Tàu thăm hỏi tin tức tôi từ khi Bà hay tin đơn vị tôi bị ghi nhận là mất tích sau ngày 29/3/1975.

*Gian nan vất vả con về bến
Bóng nắng bên đường thoáng dáng ai
Tóc trắng lưng còng chân vẹo bước
Đỏi mắt đường xa lệ đắng môi
Tâm tư chìm lắng lời kinh cứu
Nạn khỏi tai qua trọn kiếp người
Mãng non những tưởng tre già khóc
Tương phùng chợt đến tựa chiêm bao
Xin Mẹ lau nốt khô giòng lệ
Cát tiếng cười vui buổi họp xum. .*

Cuộc chiến sau cùng đi vào ngõ cụt với cái mất và chết đầy oan khiên, tức tưởi, nghẹn ngào, uất hận của toàn thể Dân Quân Miền Nam, đặc biệt là đối với các chiến sĩ trực tiếp cầm súng chiến đấu gìn giữ từng tấc đất, ngọn cỏ của Tổ Quốc. Những người lính chiến nằm bờ ngũ bụi, đối diện với tử thần trên từng đoạn đường, bỏ lại sau lưng ánh đèn màu với những thú vui vật chất, với những tiếng cười đầu đêm suốt sáng của đám người làm giàu nhờ vào chiến tranh.

Hạnh phúc cá nhân và gia đình của bao chiến sĩ nơi trận tuyến bị quên lãng, sự hy sinh ngoài tiền tuyến như là một thứ “xa hoa” dành cho lớp người hậu phương “trên trước” hưởng thụ thì hậu quả tất yếu không thể tránh được cái ách Cộng Sản phủ trùm lên quê hương, đất nước.

Thủy Quân Lục Chiến

Lịch sử sang trang trong vôi vàng bất chợt với đảo điên, ánh sáng đời tôi đã khép lại và từ đó là màu đen tang tóc.

Năm 1980 sau 5 năm lưu đày, khổ sai, biệt xứ nơi đất Bắc với tội danh chưa từng có trong lịch sử loài người: **“Can tội Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Lính Thủy Đánh Bộ”** và đã lần lượt trải qua nhiều trại giam khắc nghiệt trong các vùng rừng sâu, nước độc, sinh mạng tù nhân được tính từng ngày.

Khi “đàn anh” Trung Cộng vĩ đại dạy cho “đàn em” Việt Cộng 1 bài học thì chúng tôi được di chuyển về gần các khu vực trong nội địa và do Công An trại giam Bộ Nội vụ quản lý và canh giữ thì một bất ngờ đến với tôi:

“Cải tạo viên Lâm Tài Thạnh chuẩn bị ra thăm nuôi ngày mai”.

Tiếng báo gọi của tên tù hình sự, phụ trách thông tin của trại tù Hà Nam Ninh (Trại A) vang lên khi tù đang điếm danh để vào phòng giam sau 6 giờ tối.

Buổi sáng ngày hôm sau, tôi vẫn phải đi lao động đào đất đắp đê, đến trưa mới tôi được gặp Mẹ và anh tôi, thật là một điều “không tưởng”. Năm ấy Mẹ tôi đã 62 tuổi.

*Mẹ già chạy tảo khắp muôn phương
Tìm tiền kiếm bạc mưu nuôi sống
Trẻ bước sa cơ cá chậu lòng
Chẳng nệ trần gian nhiều sương gió
Hòa với đêm Đông xứ lạ người
Chẳng kể đèo cao mây trùng phủ
Trắng mờ núi nhận Bắc phương xa
Chẳng màng uy thế loài vô lại
Chiến thắng gì bây “kẻ lọc lừa”
Tìm hồng dây máu còn luân chuyển
Cắt đứt được sao? Mũi tử tình!*



Đây là chuyện thăm nuôi duy nhất trong suốt thời gian tôi bị lưu đày nơi miền Bắc “XHCN”. Năm 1982 khi tôi được chuyển từ miền Bắc vào miền Nam, trại Z30A Xuân Lộc Tỉnh Long Khánh thì cũng là lúc Mẹ tôi với sự giúp đỡ của cô và chú tôi đã cho tháp tùng vượt biên trên chiếc ghe nhỏ của gia đình do dựng Mười tôi (gốc Hải Quân) làm tài công và nhờ Ông Trên đã đến bên bờ Tự Do, bình yên và trọn vẹn. Năm

ấy Mẹ tôi đã 64 tuổi. Phải mất 10 năm sau đó (1992) tôi mới thực sự đoàn tụ, sống gần Mẹ, khi tôi được định cư theo chương trình HO.

Sau mất mát bất ngờ với sự ra đi vĩnh viễn của cô con gái út do căn bệnh ung thư, tinh thần và thể xác Mẹ tôi bị suy giảm nhanh chóng! Ước nguyện sau cùng của Mẹ tôi là được trở về miền đất quê hương, nơi chôn nhau cắt rún mà suốt cả cuộc đời Mẹ đã bôn ba, chịu đựng, chắt chiu, lo lắng để các con trẻ được nên người. Sau khi bàn bạc, trao đổi ý kiến trong gia đình, cuối cùng Mẹ tôi đã được đưa về lại Việt Nam năm 2000, sống chung với gia đình anh Hai tôi ở Long Khánh, nhờ có các cháu nội gái bên cạnh chăm lo, săn sóc, trò chuyện, đưa đi các chùa ở chung quanh, dần dà Mẹ tôi cũng nguôi ngoai nỗi buồn mất con gái

Mùa Xuân cuối cùng năm Quý Mùi 2003, Mẹ tôi đã từ già cõi đời trở về cùng miền viên mãn, hưởng thọ 85 tuổi./.

Ôn cao quá Núi, đo muôn trượng
Nghĩa nặng hơn Sông, vạn tinh cầu .
Trần thế phủ rồi câu danh lợi
Non Tiên toại nguyện chữ an nhàn
Mẹ đi siêu thoát thân thư thái
Con ở dương gian dạ ngậm ngùi ./

MX Lâm Tài Thạnh